TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181 /2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2019
"V/v Ly hôn giữa anh V và chị L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **NGUYỄN QUỐC V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **BÙI THỊ KIỀU L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh V, vắng mặt chị L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày: Anh và chị L do quen biết nên tiến đến hôn nhân năm 2007, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với cha mẹ ruột của anh V, 02 năm sau sống chung với cha mẹ chị L, vợ chồng sống hạnh

phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn do chị L quen biết bạn trai bên ngoài, anh nhiều lần khuyên nhưng không được, anh chị ly thân từ giữa năm 2017 đến nay.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Việt T, sinh ngày 21/01/2008; Nguyễn Việt Th, sinh ngày 04/4/2010. Hiện đang sống cùng anh V. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Con chung anh yêu cầu nuôi 02 con chung, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

- *Bị đơn chị Bùi Thị Kiều L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải chị có ý kiến trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh V về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng chị thừa nhận trước đây chị có quen người khác nhưng hiện nay không còn. Chị không muốn ly hôn để con có đủ cha mẹ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Tài sản chung , nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn chị Bùi Thị Kiều L dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng là do chị L có quan hệ tình cảm với người khác, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được làm cho tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã ly thân từ tháng 06/2017 đến nay. Anh xác định tình cảm không còn nên kiên quyết xin ly hôn. Đối với chị L tuy tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình giải quyết chị thừa nhận trước đây có quan hệ tình cảm với người khác nhưng hiện nay không còn, chị không muốn con thiếu vắng tình thương cha mẹ nên không đồng ý ly hôn, chị mong anh V tha thứ cho chị.

[3] Xét thấy, anh V, chị L đã có thời gian tìm hiểu nhau trước khi tiến đến hôn nhân năm 2008. Tuy nhiên hai người chỉ chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn do chị L có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến thường hay cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Đối với chị L không đồng ý ly hôn, thiết tha được đoàn tụ nhưng chị không đưa ra biện pháp gì hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với chính quyền địa phương cũng thống nhất với nội dung đơn xin xác nhận của anh V về việc vợ chồng anh sống không hạnh phúc. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho anh V được ly hôn chị L.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Việt T và Nguyễn Việt Th hiện đang sống cũng anh V. Tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn giữ yêu cầu nuôi con chung, phía chị L trong quá trình giải quyết vụ án cũng yêu cầu nuôi con chung nếu vợ chồng ly hôn. Xét thấy con chung sống với anh V và được anh chăm sóc, còn chị L ít thời gian gần gũi con. Qua làm việc với 02 con chung cũng có nguyện vọng sống chung với anh V Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển của con chung và bản thân anh V cũng có công việc, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Nguyễn Việt T và Nguyễn Việt Th cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh V không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con, phía L cũng không tự nguyện. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc V.

1. Cho anh Nguyễn Quốc V được ly hôn với chị Bùi Thị Kiều L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho anh Nguyễn Quốc V được quyền nuôi cháu Nguyễn Việt T sinh ngày 21/01/2008; Nguyễn Việt Th, sinh ngày 04/4/2010.

Chị Bùi Thị Kiều L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung, và nợ chung không có

4. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10475 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền

Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người vắng mặt thì thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH